

Bản án số: **76/2021/HS-ST**
Ngày: 22-11-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

2. Ông Nguyễn Quang Tổ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Năm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Phan Thị C, sinh ngày 14/8/1974 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Tài T, xã Yên T, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Ngọc C và bà Đặng Thị S; chồng Đinh Quang H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. La Ngọc M, sinh ngày 05/9/1985 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Khu Nà L, thị trấn Bình L, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông La Tiến C và bà Lương Thị N; vợ Hoàng Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Phan Ngọc T, sinh ngày 12/11/1994 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Tài T, xã Yên T, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Thợ xăm hình; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Ngọc T và bà Đặng Thị P; vợ Đỗ Thùy T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/10/2012, bị Công an huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Nguyễn Đình H, sinh ngày 22/8/1984 tại thành phố Hải Phòng; nơi ĐKNKTT: Số 247, khu E1, phường Cát B, quận Hải A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: 121/5/4 đường Phước L, phường Phước L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ Huỳnh Nguyễn Thúy U và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Phạm Văn B, sinh ngày 21/5/1982 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Đội 15, xã Trục T, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế H và bà Nguyễn Thị H; vợ Ninh Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/4/2006, bị Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính về hành vi “Hủy hoại tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Đặng Văn T1 (tên gọi khác: K), sinh ngày 02/10/1995 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: 19/01 đường Phước L, phường Phước L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đ và bà Phan Thị S; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày 19/9/2014 về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 238/2014/HSST ngày 19/9/2014).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

7. Hà Văn Quốc T2, sinh ngày 28/6/1992 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ dân phố 6 (tổ dân phố La Chữ N), phường Hương C, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H và bà Lê Thị Q; vợ Nguyễn Thị Xuân L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo La Ngọc M:* Bà Trần Thị Hồng M - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn T1:* Ông Lê Văn T - Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Văn T và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: 102 Nguyễn T, phường Phước T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hà Văn H, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Tổ dân phố La Chữ N, phường Hương C, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Chị Ninh Thị H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Đội 15, xã Trục T, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Có mặt.

3. Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định. Địa chỉ: Lô 13 + 21 đường Đông A, khu đô thị Hòa Vượng, xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định: Ông Nguyễn Văn L - Chuyên viên Tổ tụng. Địa chỉ: Số 02 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Li Zhi Kai, sinh ngày 28/11/1984. Nơi cư trú: Thị trấn Cao Lâu, thành phố Thụy An, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã trao trả Li Zhi Kai lại cho Trung Quốc). Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1990. Nơi cư trú: 89 Tăng Bạch H, phường Phú T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: 145 Nguyễn Sinh C, phường Vỹ D, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố La Chử N, phường Hương C, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2020, Phan Thị C khi còn làm thuê ở Trung Quốc đã quen người tên Lão Nhị (Quốc tịch: Trung Quốc; không rõ nhân thân, lai lịch). Trước ngày 24/01/2021, Lão Nhị đã liên lạc cho Phan Thị C để tổ chức cho Li Zhi Kai, (sinh ngày 28/11/1984; Quốc tịch Trung Quốc; trú tại Ôn Châu, Chiết Giang, Trung Quốc) nhập cảnh từ Trung Quốc vào Việt Nam trái phép, sau đó đưa vào thành phố Hồ Chí Minh để Li Zhi Kai tiếp tục đi qua Campuchia. Hai bên thỏa thuận mọi chi phí do C chi trả trước, sau khi Li Zhi Kai vào đến thành phố Hồ Chí Minh, Lão Nhị sẽ trả tiền cho C đã chi trên, đồng thời bồi dưỡng thêm tiền ăn, tiền công cho C.

Thông qua một người Trung Quốc tên Mao (không rõ nhân thân, lai lịch) cho C số điện thoại của La Ngọc M. Ngày 24/01/2021, C gọi điện liên lạc cho M qua số điện thoại 0878163744 và ứng dụng Zalo của M để thuê M đưa Li Zhi Kai nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam. M đồng ý, hai bên thống nhất địa điểm đón Li Zhi Kai tại thành phố Nam N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh sau đó đưa về huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh giao lại cho C với chi phí là 22.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2021, Lão Nhị thông báo cho C là ông Li Zhi Kai đã về đến thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. C liên lạc, thông báo cho M biết để đón và đưa Li Zhi Kai nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. M đã thuê đối tượng tên A Kháy (người Trung Quốc, không rõ nhân thân lai lịch) đón và đưa Li Zhi Kai từ thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc đến khu vực biên giới Trung Quốc và huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Sau đó, M tiếp tục thuê một đối tượng tên Phùn A Tài (hiện nay đã chết) đón Li Zhi Kai từ Trung

Quốc và nhập cảnh trái phép vào huyện Bình Liêu, Quảng Ninh, và đưa về huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. C đã sử dụng tài khoản ngân hàng của C số 0001018179887 (Ngân hàng Vietcombank) chuyển đủ số tiền 22.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng số 8008205030507 (Ngân hàng Agribank) của La Ngọc M theo như thỏa thuận.

Khoảng 01 giờ ngày 27/01/2021, Li Zhi Kai được Phùn A Tài đưa nhập cảnh trái phép vào huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Môn trực tiếp đến nhận và kiểm tra đúng là ông Li Zhi Kai tại huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh, sau đó giao lại cho Phùn A Tài tiếp tục đưa Li Zhi Kai về điểm hẹn ở huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh để giao cho C. M yêu cầu C đón Li Zhi Kai tại địa phận huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Phùn A Tài dùng xe ô tô (không rõ biển kiểm soát) chở Li Zhi Kai về huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh và đã giao cho C vào khoảng 04 giờ sáng cùng ngày, tại đường Quốc lộ tuyến Bình Liêu - Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, C tiếp tục đưa Li Zhi Kai lên xe ô tô khách Quảng Ninh (không rõ biển kiểm soát) để đưa Li Zhi Kai đến tỉnh Nam Định; quá trình di chuyển, C đã yêu cầu Li Zhi Kai không được nói chuyện và đóng giả như là vợ chồng để tránh bị phát hiện. Khi đang đi trên xe ô tô, C đã liên lạc qua điện thoại cho Phan Ngọc T, để T sắp xếp xe chở Li Zhi Kai cùng C từ Nam Định vào thành phố Hồ Chí Minh. T đồng ý và đã liên lạc với Nguyễn Đình H, để thống nhất tổ chức đưa Li Zhi Kai từ Nam Định vào thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá tiền là 33.000.000 đồng. T và H đã thống nhất chia thành 3 (ba) chặng đường, nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng.

Chặng thứ nhất từ Nam Định vào Quảng Trị: H đưa số điện thoại di động của lái xe Phạm Văn B cho T để T liên hệ thống nhất với B chở Li Zhi Kai cùng C từ Nam Định đến Quảng Trị. H đã thông báo với T giá phải trả cho lái xe B chở chặng này là 13.000.000 đồng, thanh toán khi xe vào đến tỉnh Quảng Trị. B biết rõ khách là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 27/01/2021, B lái xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander, BKS 18A-194.74 đón Li Zhi Kai cùng C tại khu vực xã Nam T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định chở đến khu vực gần thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị sẽ có lái xe khác do H sắp xếp sẵn để tiếp tục đưa Li Zhi Kai cùng C vào Khánh Hòa; quá trình di chuyển này, B sắp xếp cho Li Zhi Kai ngồi hàng ghế sau cùng, C ngồi hàng ghế thứ 2 sau tài xế; hạn chế nói chuyện và dừng dọc đường để tránh bị phát hiện. C đã đưa trước cho B 5.000.000 đồng và khi xe vào đến Quảng Trị, tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 8.000.000 đồng, tổng cộng là 13.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Chặng thứ hai từ Quảng Trị đến Khánh Hòa: H đã liên hệ với Đặng Văn T1, để nhờ Thành tìm tài xế chở Li Zhi Kai cùng C từ Quảng Trị vào Khánh Hòa, T1 biết rõ khách là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Là đồng nghiệp cùng chạy xe dịch vụ tại tỉnh Khánh Hòa, nên T1 đã liên hệ với Hà Văn Quốc T2 để nhờ T2 chở Li Zhi Kai cùng C từ Quảng Trị vào Khánh Hòa và được T2 báo giá chở là 9.000.000 đồng. T2 biết rõ khách là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. T2 thông báo lại mức giá trên cho H và H đồng ý. T2 không trực tiếp chở mà thuê Nguyễn Xuân P với giá 6.200.000 đồng. P không biết khách là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, P đã liên lạc Nguyễn Duy L chở khách thay P với giá 6.200.000 đồng; L không biết khách là người Trung Quốc nhập

cảnh trái phép. Đến 05 giờ 30 phút, ngày 28/01/2021, khi xe chở Li Zhi Kai cùng C đến địa phận xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bị phát hiện, bắt giữ.

Chặng thứ 3 từ Khánh Hòa vào thành phố Hồ Chí Minh: Theo tính toán của H, sau khi xe chở Li Zhi Kai cùng C vào đến Khánh Hòa, H sẽ tiếp tục tìm lái xe để chở Li Zhi Kai cùng C vào đến thành phố Hồ Chí Minh với giá 9.000.000 đồng. H xác định, sau khi trừ mọi chi phí H thu lợi bất chính 2.000.000 đồng và H sẽ đưa cho Đặng Văn T1 1.000.000 đồng, H không báo cho T1 biết. Bản thân T1 nghĩ khi giúp sẽ được H cho tiền nhưng không biết bao nhiêu.

Tang vật Cơ quan điều tra thu giữ:

1. Thu giữ, tạm giữ của Phan Thị C:

- Số tiền 5.910.000 đồng (năm triệu chín trăm mười nghìn đồng tiền Việt Nam);

- 08 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 10 YUAN; 15 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 5 YUAN; 04 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 1 YUAN; 01 tờ tiền, mệnh giá 5 WUJIAO; 01 tờ tiền đô la Mỹ, mệnh giá 02 đô la;

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11, số máy MWNC2CH/A; số seri: DNPZTOS3N744, IMEI số; 356330109633108;

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, số IMEI: 350618541554445;

- 01 (một) sim điện thoại Vinaphone, 01 (một) sim điện thoại Itelecom;

- 01 (một) thẻ ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) mang tên Phan Thị C;

- 01 (một) thẻ ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) mang tên Phan Thị C;

- 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 031174007849 mang tên Phan Thị C.

2. Thu giữ, tạm giữ của La Ngọc M:

- Số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng tiền Việt Nam);

- 26 (hai mươi sáu) tờ tiền Trung quốc, mệnh giá 100 YUAN (nhân dân tệ) mỗi tờ;

3. Thu giữ, tạm giữ của Phạm Văn B:

- 01 (một) xe ô tô đã qua sử dụng, hiệu Mitsubishi Xpander màu trắng, biển số 18A-194.74;

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số Imei: 359151076406105, máy đã qua sử dụng. Bên trong có 01 (một) sim số 0889952226;

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen. Bên trong có 01 (một) sim số 0365152226.

4. Thu giữ, tạm giữ của Nguyễn Đình H:

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 6 Plus màu bạc, bên trong có 01 (một) sim viettel;

5. Thu giữ, tạm giữ của Đặng Văn T1:

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 plus màu đen Model A1784FCC, ID: BCG-E3092A; IC: 579C-E3092A. Bên trong có 01 (một) sim mobifone;

6. Thu giữ, tạm giữ của Phan Ngọc T:

- 01 (một) giấy phép lái xe số 220181007056 mang tên Phan Ngọc T.
- 7. Thu giữ, tạm giữ của Hà Văn Quốc T2:
 - 01 (một) xe ô tô đã qua sử dụng, hiệu TOYOTA VIOS, biển số 75A – 086.03;
 - 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Pro; số máy di động MW9C2LL/A, số IMEI: 353244106839092;
 - 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone, số IMEI: 353312079886646.
 - 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn Quốc T2.
 - 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank mang tên Hà Văn Quốc T2.
 - 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026963 mang tên Hà Văn Hòa.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 20/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Phan Thị C, La Ngọc M, Phan Ngọc T, Nguyễn Đình H, Phạm Văn B, Đặng Văn T1 và Hà Văn Quốc T2 về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm của cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị, xử phạt:

Bị cáo Phan Thị C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Bị cáo La Ngọc M từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

Bị cáo Phan Ngọc T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Phạm Văn B từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Bị cáo Đặng Văn T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Bị cáo Hà Văn Quốc T2 từ 10 tháng đến 12 tháng tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 22.000.000 đồng mà bị cáo Môn đã nộp lại; 5.910.000 đồng thu giữ của bị cáo Chuân; các điện thoại thu giữ của các bị cáo. Giao cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định xử lý xe ô tô Mitsubishi Xpander màu trắng, biển số 18A-194.74 theo hợp đồng thế chấp, giá trị tài sản còn lại tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước một nửa và trả lại cho vợ bị cáo Biên; trả lại cho ông Hà Văn Hòa xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS, biển số 75A - 086.03. Các tài sản còn lại xử lý theo quy định của pháp luật.

- *Người bào chữa cho bị cáo M có quan điểm:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, vùng dân tộc khó khăn, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 22.000.000 đồng để

khắc phục hậu quả; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với số tiền Nhân dân tệ thu giữ của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

- *Người báo chữa cho bị cáo Thành có quan điểm*: Bị cáo C và M là người tổ chức cho Zhi Kai (người Trung Quốc) nhập cảnh vào Việt Nam; còn các bị cáo khác không đồng phạm với C và M, mà chỉ giúp sức cho Kai đi sâu vào nội địa của Việt Nam đề nghị xem xét lại tội danh đối với bị cáo T1. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo T1 có ông nội là thương binh, cha của bị cáo có tham gia trong quân đội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Đã có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên từ ngày 27 đến ngày 28 tháng 01 năm 2021, Phan Thị C cùng La Ngọc M và Phùn A Tài (hiện nay đã chết) đã có hành vi đưa Li Zhi Kai, (sinh ngày 28/11/1984; Quốc tịch: Trung Quốc, trú tại Ôn Châu, Chiết Giang, Trung Quốc) nhập cảnh từ Trung Quốc vào Việt Nam trái phép, qua địa phận huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh vào Việt Nam. Sau khi Li Zhi Kai nhập cảnh vào Việt Nam, C và các bị cáo Phan Ngọc T, Nguyễn Đình H, Phạm Văn B, Đặng Văn T1 và Hà Văn Quốc T2 tiếp tục đưa Li Zhi Kai vào tỉnh Khánh Hòa theo nhiều chặng khác nhau bằng xe ô tô. Đến 05 giờ 30 phút, ngày 28/01/2021, khi xe chở Li Zhi Kai cùng Phan Thị C đến địa phận xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bị phát hiện, bắt giữ.

Với hành vi nêu trên, các bị cáo Phan Thị C, La Ngọc M, Phan Ngọc T, Nguyễn Đình H, Phạm Văn B, Đặng Văn T1 và Hà Văn Quốc T2 đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Do đó, Cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 20/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức biết được việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi mà vẫn cố ý thực hiện, hành vi của các bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập

cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương, nhất là khu vực biên giới, đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trong nước cũng như trên thế giới, việc đưa người nhập cảnh trái phép vào lãnh thổ Việt Nam có thể làm bùng phát dịch bệnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án có nhiều người cùng thực hiện một tội phạm nên vụ án có đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự; tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đơn giản không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc thống nhất giữa các bị cáo nên không phạm vào tình tiết phạm tội có tổ chức. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án này thì thấy: bị cáo Phan Thị C là người cầm đầu, là đầu mối liên hệ, thống nhất giá cả với người tên Lão Nhị để tổ chức đưa Li Zhi Kai vào Việt Nam và đặt vấn đề thuê xe, đặt xe đưa Li Zhi Kai đi từ huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến thành phố Hồ Chí Minh nên phải chịu trách nhiệm chính. Đối với bị cáo Phan Ngọc T; Nguyễn Đình H là người vạch ra kế hoạch để phân chia nhiều giai đoạn để đưa Li Zhi Kai vào sâu trong nội địa Việt Nam, nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò giúp sức tích cực cho C, phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ yếu. Đối với La Ngọc M, Đặng Văn T1 và Hà Văn Quốc T2 là người liên lạc để thuê xe chở Li Zhi Kai nên là người giúp sức cho T và H; còn Phạm Văn B là người trực tiếp chở Li Zhi Kai từ Nam Định đến Quảng Trị nên giữ vai trò là người thực hành; do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với từng vai trò của mình.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo C, M, H, T1 có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự. Đối với bị cáo T1, T, B tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo H là con ruột của liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo M đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 22.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc đưa người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam trong giai đoạn hiện nay đang làm ảnh hưởng đến phòng chống dịch Covid -19 đang bùng phát ở đất nước ta. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng xem xét cho các bị cáo T2, H có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài ra, đây là vụ án nhằm mục đích vụ lợi, do đó áp dụng khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000

đồng. Riêng đối với bị cáo M đã tự nguyện nộp lại số tiền 22.000.000đồng nên không áp dụng khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T2 đã tạm giam từ ngày 01/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09 tháng 21 ngày, do đó áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

- Đối với số tiền 22.000.000 đồng mà bị cáo M nộp, đây là tài sản do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 5.910.000 đồng Việt Nam và 01 tờ tiền đô la Mỹ, mệnh giá 02 đô la thu giữ của bị cáo C, đây là tài sản bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 26 (hai mươi sáu) tờ tiền Trung quốc, mệnh giá 100 YUAN (nhân dân tệ) mỗi tờ, thu giữ của bị cáo M, đây là tài sản của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 08 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 10 YUAN; 15 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 5 YUAN; 04 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 1 YUAN; 01 tờ tiền, mệnh giá 5 WUJIAO; Cơ quan An ninh điều tra không xác định được tiền thật hay giả và giá trị nhỏ, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 Plus màu vàng; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 6S Plus màu bạc; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 Plus màu đen; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Pro; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone, số IMEI: 353312079886646. Đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần được tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) sim điện thoại Vinaphone, 01 (một) sim điện thoại Itelecom; 01 (một) sim số 0889952226; 01 (một) sim số 0365152226; 01 (một) sim viettel; 01 (một) sim mobifone. Đây là các số sim các bị cáo dùng để liên hệ trong việc thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần được tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) thẻ ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) mang tên Phan Thị C; 01 (một) thẻ ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) mang tên Phan Thị C; 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 031174007849 mang tên Phan Thị C. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo C nên cần được trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe số 220181007056 mang tên Phan Ngọc T. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo T nên cần được trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn Quốc T2; 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank mang tên Hà Văn Quốc T2. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo T2 nên cần được trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) xe ô tô đã qua sử dụng, hiệu TOYOTA VIOS, biển số 75A – 086.03; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026963 mang tên Hà Văn H.

Đây là tài sản của ông Hà Văn H không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 (một) xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander màu trắng, biển số 18A-194.74 thu giữ của bị cáo B. Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, tuy vậy, tài sản này là tài sản chung của bị cáo B và chị Ninh Thị H; khi bị cáo B dùng xe vào việc phạm tội chị H không biết nên cần trả lại cho chị H 1/2 giá trị của chiếc xe. Tuy nhiên, chiếc xe này đã được bị cáo Biên và chị H thế chấp tài sản vay tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, nhưng nay số nợ chưa được vợ chồng bị cáo B thanh toán xong, nên cần giao chiếc xe lại cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định giải quyết thanh toán khoản nợ vay. Sau khi đã thanh toán xong nghĩa vụ bảo đảm, giá trị tài sản còn lại sẽ sung vào Ngân sách Nhà nước một nửa và trả lại cho chị H một nửa.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Phan Thị C, La Ngọc M, Phan Ngọc T, Phạm Văn B, Nguyễn Đình H, Đặng Văn T1 và Hà Văn Quốc T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; không áp dụng khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Môn; căn cứ thêm điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hùng và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Môn; căn cứ thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hùng, Trọng.

Xử phạt: bị cáo Phan Thị C 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 04/02/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng.

Xử phạt: bị cáo La Ngọc M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 01/4/2021.

Xử phạt: bị cáo Phan Ngọc T 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 01/02/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000 đồng.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đình H 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 11/5/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000 đồng.

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn B 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 18/3/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000 đồng.

Xử phạt: bị cáo Đặng Văn T1 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 11/5/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000 đồng.

Xử phạt: bị cáo Hà Văn Quốc T2 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 01/02/2021.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả tự do cho bị cáo Hà Văn Quốc T2 tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Số tiền 22.000.000 đồng; Tiền Việt Nam đồng là 5.910.000 đồng (Trong đó: 11 tờ tiền 500.000 đồng, 01 tờ tiền 200.000 đồng; 01 tờ tiền 100.000 đồng; 03 tờ tiền 20.000 đồng; 02 tờ tiền 10.000 đồng; 05 tờ tiền 5.000 đồng; 02 tờ tiền 2.000 đồng; 01 tờ tiền 1.000 đồng); 01 tờ tiền đô la Mỹ, mệnh giá 02 đô la.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11, số máy MWNC2CH/A; số seri: DNPZTOS3N744, IMEI số: 356330109633108; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, số IMEI: 350618541554445; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số Imei: 359151076406105, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 6S Plus màu bạc; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 Plus màu đen, Model A1784FCC, ID: BCG-E3092A; IC: 579C – E3092A; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Pro; số máy di động MW9C2LL/A, số IMEI: 353244106839092; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone, số IMEI: 353312079886646.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim điện thoại Vinaphone, 01 (một) sim điện thoại Itelecom; 01 (một) sim số 0889952226; 01 (một) sim số 0365152226; 01 (một) sim viettel; 01 (một) sim mobifone; 08 tờ tiền Trung Quốc, mỗi tờ mệnh giá 10 YUAN; 15 tờ tiền Trung Quốc, mỗi tờ mệnh giá 5 YUAN (nhân dân tệ); 04 tờ tiền Trung Quốc, mỗi tờ mệnh giá 1 YUAN(nhân dân tệ); 01 tờ tiền Trung Quốc, mệnh giá 5 WUJIAO.

- Trả lại cho bị cáo La Ngọc M 26 (hai mươi sáu) tờ tiền Trung Quốc, mệnh giá 100 YUAN (nhân dân tệ) mỗi tờ.

- Trả lại cho bị cáo Phan Thị C: 01 (một) thẻ ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) mang tên Phan Thị C; 01 (một) thẻ ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) mang tên Phan Thị C; 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 031174007849 mang tên Phan Thị C.

- Trả lại cho bị cáo Phan Ngọc T: 01 (một) giấy phép lái xe số 220181007056 mang tên Phan Ngọc T.

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn Quốc T2: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn Quốc T2; 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank mang tên Hà Văn Quốc T2.

- Trả lại cho ông Hà Văn Hòa: 01 (một) xe ô tô đã qua sử dụng, hiệu TOYOTA VIOS, biển số 75A - 086.03; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026963 mang tên Hà Văn Hòa.

- Giao 01 (một) xe ô tô đã qua sử dụng, hiệu Mitsubishi Xpander màu trắng, biển số 18A-194.74 cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam

Định đề xử lý khoản nợ vay theo Hợp đồng thế chấp số 127/2020-CN/HĐBĐ/PVB-CNNĐ ngày 15/6/2020 giữa bên thế chấp anh Phạm Văn B và chị Ninh Thị H với bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định; phần tài sản còn lại (nếu có) sau khi thanh toán xong nghĩa vụ bảo đảm thì Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm kê biên nộp vào Ngân sách Nhà nước một nửa, trả lại cho chị Ninh Thị H một nửa.

(Toàn bộ số tang vật trên theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS-P1 ngày 20/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phan Thị C, La Ngọc M, Phan Ngọc T, Phạm Văn B, Nguyễn Đình H, Đặng Văn T1 và Hà Văn Quốc T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh TT Huế;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu HSVA; THS, Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Cao Sơn